

Semi Synthetic



Kixx HD CG-4

Dầu động cơ chạy dầu diesel cho các loại xe tải trọng lớn, lựa chọn hoàn hảo cho người tiêu dùng thông minh

API CG-4

MÔ TẢ

Dầu cao cấp cho động cơ sử dụng nhiên liệu dầu diesel được sản xuất trên công nghệ dầu gốc bán tổng hợp, đặc biệt dành cho những động cơ sử dụng nhiên liệu diesel đời mới và được khuyến cáo sử dụng nhớt theo tiêu chuẩn API CG-4.

ỨNG DỤNG

- Các loại động cơ diesel (tốc độ cao, 4T, gần turbo tăng áp và sử dụng khí nén tự nhiên).
- Các phương tiện vận tải đường bộ.
- Các phương tiện chạy trên đường cao tốc.
- Các thiết bị, hệ thống thủy lực di động (có yêu cầu riêng về cấp độ nhớt tương thích).
- Đáp ứng cho hầu hết tất cả các đội xe vận tải, xe khách, xe cơ giới, xe chở rác... có trọng tải nặng hoặc nhẹ.

TIÊU CHUẨN HIỆU SUẤT

- API CG-4

LỢI ÍCH CỦA KHÁCH HÀNG

Giảm chi phí bảo trì

Sự cân bằng của chất tẩy rửa kim loại và hệ thống phân tán không phụ thuộc vào tro bụi, mang đến độ sạch tuyệt vời cho tổng thể động cơ trong mọi điều kiện hoạt động, đặc biệt là phân tán bụi cao hơn để duy trì khoảng thời gian xả dầu trong thiết kế động cơ hiện đại. Tối ưu hóa quá trình oxy hóa nhằm bảo vệ chống lại sự hình thành các mảng bám ở nhiệt độ cao.

Kéo dài tuổi thọ động cơ

Kéo dài tuổi thọ động cơ nhờ hệ phụ gia chống mài mòn luôn được duy trì trong mọi điều kiện môi trường nhiệt độ cao, duy trì lớp màng bao phủ bề mặt ma sát.

Bảo toàn toàn bộ sức mạnh và hiệu suất động cơ

Chất tẩy rửa kim loại và hệ thống phụ gia phân tán không tro bảo quản năng lượng và hiệu suất bằng cách cung cấp có kiểm soát dầu ở nhiệt độ cao xảy ra trong động cơ diesel tăng áp ngay khi khởi hành.

Tiết kiệm chi phí.

Khả năng luân chuyển hợp lý và thiết bị cho phép tránh lãng phí dầu và giảm thiểu các vấn đề xảy ra.

CÁC ĐẶC TÍNH CHÍNH

ĐỘ SAE	10W-30	10W-40	15W-40	20W-50
Tỉ trọng, kg/L ở 15°C	0.8666	0.8658	0.8703	0.8793
Độ nhớt động học, mm ² /s ở 40°C	64.43	100.7	110.8	180.8
Độ nhớt động học, mm ² /s ở 100°C	10.05	14.99	15.01	20.00
Chỉ số độ nhớt	141	156	143	128
Điểm rót, °C	-39	-39	-36	-33
Điểm chớp cháy, °C	240	225	236	242
Số cơ sở, mg KOH/g	8.67	9.11	8.93	8.77
Bao bì (Lít)	4,18, 200	1,4T, 20, 200	1,44T, 6, 18, 20, 200	4, 18, 20, 200